

Tài liệu của
Ngân hàng Thế giới

Báo cáo số: 22887-VN

**BẢN GHI NHỚ CỦA CHỦ TỊCH
HIỆP HỘI PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ
VÀ
TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
TRÌNH
CÁC GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
BÁO CÁO TIẾN ĐỘ VỀ
CHIẾN LƯỢC HỖ TRỢ QUỐC GIA
CỦA NHÓM NGÂN HÀNG THẾ GIỚI
CHO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

28/9/2001

Đơn vị quản lý dự án quốc gia Việt Nam
Đông Á và khu vực Thái Bình Dương

Đồng tiền tương đương
Đơn vị tiền tệ = đồng (đ)
US\$1.00 = 14,999đ (tháng 9/2001)
Năm tài chính
1/1 – 31/12
Ngày hoàn thành CAS mới nhất
(20/8/1998 – CAS hoàn chỉnh)
(5/5/2000 – Báo cáo tiến độ của CAS)

CÁC TỪ VIẾT TẮT

AFTA	Khu vực thương mại tự do ASEAN
APL	Chương trình cho vay có điều chỉnh
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BOT	Xây dựng – Vận hành – Chuyển giao
BTA	Hiệp định Thương mại song phương
CBRIP	Dự án cơ sở hạ tầng có sự tham gia của cộng đồng
CFAA	Đánh giá Trách nhiệm tài chính Quốc gia
CPAR	Tổng quan đánh giá mua sắm đầu thầu quốc gia
CPPR	Đánh giá Hoạt động Quản lý Dự án Quốc gia
CPRS	Chiến lược Giảm nghèo toàn diện
EVN	Tổng công ty Điện lực Việt Nam
GSO	Tổng cục Thống kê
HCMC	Thành phố Hồ Chí Minh
HEPR	Chương trình Xoá đói Giảm nghèo
IDT	Mục tiêu Phát triển Quốc tế
JBIC	Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
JSB	Ngân hàng Cổ phần
LNA	Đánh giá nhu cầu pháp lý
NERC	Ban đổi mới doanh nghiệp quốc gia
NTB	Hàng rào phi thương mại
MPDF	Chương trình phát triển dự án sông Mê Kông
NMPRP	Dự án Giảm nghèo miền núi phía Bắc
PAR	Cải cách hành chính công
PER	Đánh giá chi tiêu công
PHRD	Phát triển Chính sách và Nguồn nhân lực
PPA	Đánh giá nghèo đói có sự tham gia của người dân địa phương
PPI	Cơ sở hạ tầng có sự tham gia của tư nhân
PTF	Nhóm Hành động chống nghèo đói
PWG	Nhóm làm việc về nghèo đói
QR	Hạn chế định lượng
SAC	Tín dụng điều chỉnh cơ cấu
SBV	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
SOCB	Doanh nghiệp thương mại quốc doanh
SOE	Doanh nghiệp nhà nước
UNDAF	Khuôn khổ hỗ trợ phát triển của Liên Hiệp Quốc
VBARD	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
VBF	Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam
VLSS	Điều tra Mức sống Dân cư

Phó Chủ tịch:

Giám đốc quốc gia:

Trưởng nhóm công tác:

IDA

Jemal-ud-din Kassum

Andrew Steer

Nisha Agrawal

IFC

Assaad Jabre

Javed Hamid

Deepak Khanna

MỤC LỤC

I.	GIỚI THIỆU	7
II.	BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ	7
III.	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI	8
	8	
	A. Thực hiện chiến lược	8
	Điểm 1: Tập trung sâu hơn vào giảm nghèo bền vững	8
	Điểm 2: Hỗ trợ quá trình chuyển sang nền kinh tế định hướng thị trường	14
	Điểm 3: Nâng cao quản lý nhà nước phục vụ tăng trưởng và giảm nghèo	18
	B. Các vấn đề tiềm năng mới cho CAS sắp tới	21
IV.	CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CỦA NHTG	22
	A. CHƯƠNG TRÌNH IDA	22
	B. CHƯƠNG TRÌNH CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)	24
	C. QUẢN LÝ RỦI RO	25

Phụ lục

Phụ lục 1:	Ma trận thực hiện CAS của Việt Nam	27
Phụ lục 2:	Ma trận CDF Việt Nam	45
Phụ lục 3:	Các chỉ số kinh tế và chương trình chính – thay đổi so với CAS lần trước	47
Phụ lục 4:	Tổng quan Việt Nam	49
Phụ lục 5:	Một số chỉ số chọn lọc về Quản lý Chương trình đầu tư của Ngân hàng	51
Phụ lục 6:	Tóm tắt chương trình vay IDA(NTC 99-03)	53
Phụ lục 7:	Tóm tắt các dịch vụ phân tích và tư vấn (NTC 99-03)	55
Phụ lục 8:	Danh sách các nguồn vốn tín thác không hoàn lại	57
Phụ lục 9:	Các chỉ số kinh tế chính, 1997-2005	59
Phụ lục 10:	Các chỉ số chính về mức độ nợ, 1997-2004	61
Phụ lục 11:	Tình trạng hoạt động của nhóm NHTG tại Việt Nam	63
Phụ lục 12:	Xếp loại các dự án và nghiên cứu kinh tế theo nhóm chỉ tiêu đảm bảo chất lượng	65

Phụ lục 13: Kết quả thực hiện so với các điều kiện tình huống trong các phương án cho vay của NHTG67
----------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

BẢNG

Bảng 1: Tóm tắt chương trình cho vay của IDA (NTC 99-02)13
Bảng 2: Đóng góp cho các cải cách thể chế và chính sách chính17
Bảng 3: Các hoạt động hỗ trợ Quản trị Nhà nước tốt19
Bảng 4: Các phương án Vay vốn Ngân hàng được đề xuất cho Việt Nam (NTC 99-03)22

KHUNG

Khung 1: Chiến lược giai đoạn 2001-2010 của Việt Nam8
Khung 2: "Thực tiễn tốt - Nghèo đói, Quan hệ hợp tác và Sự tham gia"10
Khung 2: Chương trình cải cách trung hạn của Việt Nam được Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo hỗ trợ16
Khung 4. Đóng góp của các can thiệp ngành của NHTG18

HÌNH

Hình 1: Thay đổi cơ cấu cho vay của Ngân hàng (NTC 99-02)12
-----------------------------------------------------------------	-----

Việt Nam

Báo cáo tiến triển trong Chiến lược Hỗ trợ Quốc gia

I. GIỚI THIỆU

1. Chiến lược Hỗ trợ Quốc gia toàn diện gần đây nhất cho Việt Nam, cho giai đoạn các năm tài chính 1999-2002, đã được Ban Giám đốc thảo luận vào ngày 22-9-1998 và Báo cáo tiến độ được Ban Giám đốc thảo luận ngày 30-5-2000 (Báo cáo số 20769-VN). Ban đầu, NHTG dự định soạn thảo một Chiến lược Hỗ trợ Quốc gia đầy đủ để trình Ban Giám đốc vào mùa thu năm nay, nhưng lại quyết định dời đến năm sau khi có Văn bản chiến lược giảm nghèo (PRSP) để có thể liên kết đầy đủ được cả hai báo cáo này. Do vậy, Chiến lược Hỗ trợ Quốc gia đầy đủ sắp tới sẽ được soạn thảo vào cuối năm tài chính này. Tạm thời, Báo cáo Tiến độ này sẽ tổng kết Tiến độ thực hiện CAS lần trước, đặc biệt tập trung vào năm tài chính 2001 và 2002.

II. BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ

2. **Môi trường trong nước được cải thiện trong bối cảnh toàn cầu xấu đi.** Năm ngoái là một năm quyết định cho Việt Nam. Việt Nam đã soạn thảo và thông qua một chiến lược phát triển dài hạn cho thập tới, tạo đà tiến đến nền kinh tế thị trường; có nhiều dấu hiệu của khu vực tư nhân trong nước cho thấy sự tăng trưởng vượt bậc của khu vực này so với 5 năm qua; đã ký kết được một hiệp định thương mại tương khó đạt được với Mỹ (và đang chờ phê chuẩn); đã đạt được một thỏa thuận với NHTG và IMF

về hỗ trợ tài chính cho chương trình nghị sự cải cách cơ cấu của Chính phủ. Do đó, cho tới sáu tháng trước đây, Việt Nam có đầy đủ lý do để tiếp tục một giai đoạn mới của tăng trưởng kinh tế lành mạnh. Tuy nhiên, sự chậm lại của nền kinh tế toàn cầu, cùng với hậu quả của sự kiện bi thảm ngày 11/9/2001 dự báo một thời kỳ tiếp theo khó khăn hơn so với dự tính.

3. Tháng 4/2001, Đại hội Đảng IX đã thông qua “Chiến lược Kinh tế Xã hội 10 năm” và khẳng định lại cam kết tăng trưởng nhanh, giảm nghèo, và chuyển dần sang nền kinh tế xã hội chủ nghĩa định hướng thị trường. Các mục tiêu của Chính phủ là rất kỳ vọng nhưng hợp lý đối với một nền kinh tế thu nhập thấp nhưng tiềm năng cao (xem Khung 1). Mặc dù hoạt động của Việt Nam trong thập kỷ vừa qua là rất đáng kể, với tỷ lệ dân số nghèo đã giảm một nửa, nhưng vẫn còn khoảng 30 triệu người (tương đương với khoảng 37% dân số) vẫn đang phải sống trong nghèo đói. Hiện nay có khoảng 25 triệu người chiếm khoảng 60% lao động đang trong tình trạng thiếu việc làm hoặc đang tham gia vào các hoạt động năng suất thấp. Và cứ mỗi năm trong thập kỷ tới, sẽ có khoảng hơn một triệu người ở độ tuổi lao động sẽ ra nhập lực lượng lao động.

4. Chính phủ nhận thấy rằng những thách thức này chỉ có thể giải quyết thông qua tăng trưởng nhanh, bình đẳng và sự tin cậy hơn nữa đối với các lực lượng thị trường. Văn bản Chiến

Khung 1: Chiến lược giai đoạn 2001-2010 của Việt Nam

Chiến lược Phát triển Kinh tế – Xã hội 10 năm của Việt Nam nhằm xóa đói và giảm nghèo cùng cực từ 17% xuống 5% và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân Việt Nam. Những mục tiêu này sẽ đạt được thông qua tăng trưởng nhanh và chuyển cơ cấu kinh tế hiện tại sang một cơ cấu kinh tế hiện đại hơn, công nghiệp hơn và đô thị hơn tạo ra việc làm có thu nhập cao hơn:

- Tăng gấp đôi GDP vào năm 2010 thông qua tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt 7,5%;
- Đầu tư tăng từ mức trung bình 25% trong những năm 90 lên 30% GDP;
- Xuất khẩu tăng gấp đôi tỷ lệ tăng GDP
- Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm từ 25% xuống 17%; công nghiệp tăng từ 35% lên 40%; và dịch vụ tăng từ 40% lên 43%;
- Tỷ trọng việc làm nông nghiệp giảm từ 2/3 xuống còn 1/2; và
- Tỷ lệ dân số thành thị tăng từ 1/4 lên 1/3.

lược Giảm nghèo tạm thời (I-PRSP) được Ban Giám đốc thảo luận vào tháng 4-2001 (Báo cáo số 21988-VN), đã phác thảo những cải cách cần thiết để đạt được các mục tiêu này trong các lĩnh vực ngân hàng, doanh nghiệp nhà nước, thương mại, phát triển khu vực tư nhân và quản lý chi tiêu công. Những cải cách này đang được hỗ trợ thông qua Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo (PRSC) được Ban Giám đốc phê chuẩn vào ngày 17- 5-2001 (Báo cáo số P-7446-VN).

5. Chương trình nghị sự về cải cách của Chính phủ được xây dựng nhằm giúp tiếp tục đà tăng trưởng đã phục hồi sau hậu quả của khủng hoảng Đông Á. Sau mức tăng 4%, 4,5% và 5,5% tương ứng với các năm 1998, 1999 và 2000, có thể dự đoán một cách hợp lý mức tăng là 6,5% vào năm 2001 và 7,5% vào năm 2002. Tuy nhiên, mặc dù nội lực của mức tăng trưởng này hiện đã có, nhưng vẫn cần tiếp tục tăng trưởng nhanh về xuất khẩu, là vấn đề không thể đặt ra vào thời điểm hiện nay. Với mức tăng trưởng thương mại của thế giới giảm sút hơn cả mức giảm sút trầm trọng nhất trong thời gian gần đây (từ 13% vào năm 2000 xuống gần 2,5% vào năm 2001) và tổng mức tăng trưởng của Đông Á dự tính sẽ giảm hơn một nửa vào

năm 2001, thì Việt Nam cần phải hạ thấp dự báo mức xuất khẩu và tăng trưởng của mình cho 2-3 năm tới. Điều này không đòi hỏi phải thay đổi định hướng về thay đổi chính sách, nhưng có thể tăng tốc độ thực hiện chương trình nghị sự.

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

A. Thực hiện chiến lược

6. Chiến lược Hỗ trợ Quốc gia toàn diện cho Việt Nam giai đoạn 1999-2002 được xây dựng sau khi thực hiện thành công giai đoạn 1 chương trình hoạt động của NHTG ở Việt Nam trong 5 năm 1994-1998. Chiến lược được soạn thảo trong bối cảnh cuộc khủng hoảng Đông Á đang đe dọa sự tăng trưởng và ổn định của Việt Nam. Vì vậy CAS tập trung vào hai yêu cầu cấp bách song song để duy trì động lực tăng trưởng và tăng cường chất lượng và tính bền vững của phát triển.

7. Chương trình hỗ trợ của NHTG được xây dựng nhằm hỗ trợ 7 lĩnh vực ưu tiên mà chính phủ đã công bố: (i) nâng cao khả năng

quản lý kinh tế và tính cạnh tranh; (ii) củng cố khu vực tài chính; (iii) đổi mới các doanh nghiệp nhà nước; (iv) nâng cao năng suất thông qua hạ tầng cơ sở; (v) thúc đẩy phát triển nông thôn và tăng cường bảo vệ môi trường; (vi) đầu tư vào con người và nâng cao công bằng xã hội; và (vii) hoàn thiện hành chính công, nâng cao tính minh bạch và sự tham gia của người dân. Báo cáo Tiến độ của CAS năm ngoái đã ghi lại tiến độ trong từng lĩnh vực, và Phụ lục 1 của báo cáo này cũng mô tả tiến độ theo trình tự này. Tuy nhiên, ở phần chính của tài liệu này, thảo luận được tổ chức xoay quanh 3 điểm tương quan nhau xuyên suốt cho toàn bộ chương trình hỗ trợ của NHTG.

Điểm 1: Tập trung sâu hơn vào giảm nghèo bền vững;

Điểm 2: Hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế định hướng thị trường;

Điểm 3: Nâng cao quản lý nhà nước để tăng trưởng và giảm nghèo

8. Trong thảo luận dưới đây về ba điểm nêu trên, cần chú ý rằng 3 năm vừa qua được coi là 3 năm có những thay đổi sâu sắc trong cách hoạt động của NHTG tại Việt Nam. Việt Nam đã được chọn làm thử nghiệm Khuôn khổ Phát triển toàn diện (CDF) và điều này có tác động quan trọng đối với chiến lược của NHTG. Hơn nữa, hầu hết các nhà tài trợ bắt đầu cùng làm việc với nhau để kết hợp hỗ trợ cho Việt Nam tiến tới tầm nhìn triển vọng dài hạn mà Chính phủ đề ra và để đánh giá thành công của các chương trình này theo kết quả thực tế. Lợi ích của cách làm việc này- để có tác động cao hơn, giảm thiểu sự chồng chéo và khác biệt và nâng cao hiệu quả hỗ trợ - đang bắt đầu nổi lên và được Ban đánh giá hoạt động (OED) nêu bật trong dự thảo đánh giá hỗ trợ quốc gia cho Việt Nam (xem Khung 2 dưới đây). Ngoài ra, Nhóm Chỉ tiêu đảm bảo chất lượng (QAG) đã tiến

hành đánh giá chất lượng 17 trong tổng số các dự án của NHTG ở Việt Nam và xếp loại các dự án này ở mức đạt yêu cầu trở lên.

Điểm 1: Tập trung sâu hơn vào giảm nghèo bền vững

9. **Soạn thảo chiến lược giảm nghèo** -- Hai năm vừa qua đã chứng kiến các hoạt động chuyên sâu để hiểu rõ hơn tình trạng nghèo ở Việt Nam và xây dựng một chiến lược để giải quyết tình trạng này. Tiếp theo báo cáo xuất sắc về nghèo đói: “**Việt Nam: Tấn công Nghèo đói**” (NTC 2000), chính phủ đã yêu cầu nhóm công tác về nghèo đói liên chính phủ – nhà tài trợ – các tổ chức phi chính phủ (PWG) hỗ trợ soạn thảo Chiến lược Giảm nghèo. Thông qua Nhóm Công tác, NHTG đã cung cấp các hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho Chương trình XĐGN của Chính phủ (HERP), là chương trình về các can thiệp chính sách mục tiêu để hỗ trợ những người nghèo nhất. NHTG cùng với cơ quan Phát triển Anh (DFID) đã tổ chức một cuộc hội thảo lớn ở Sapa vào tháng 7- 2000 cho hơn 100 đại biểu để đóng góp các ý kiến chuyên môn cho xây dựng chiến lược giảm nghèo của Chính phủ. Các ý kiến chuyên môn này đến lượt nó được phản ánh trong Văn bản Chiến lược Giảm nghèo tạm thời (I-PRSP) được hoàn tất vào tháng 4-2001.

10. Hiện nay Chính phủ đang hợp tác với nhiều bên liên quan bao gồm cả các tổ chức quốc tế như ADB và UNDP soạn thảo **Chiến lược Giảm nghèo Toàn diện** (một thuật ngữ chỉ Văn bản Chiến lược Giảm nghèo). Để thực hiện mục đích này, một uỷ ban liên bộ gồm 14 cơ quan chính phủ đã được thành lập dưới sự chỉ đạo của Bộ Kế hoạch Đầu tư (MPI). Các tranh luận xoay quanh việc soạn thảo Chiến lược Giảm nghèo Toàn diện đang hướng chính phủ đến sự thay đổi trong cách tư duy về nghèo đói – từ chỗ chấp nhận duy nhất một phương thức mục tiêu để hỗ trợ những người nghèo

**Khung 2: “Thực tiễn tốt – Nghèo đói, Quan hệ hợp tác và Sự tham gia”
Theo : Đánh giá Hỗ trợ Quốc gia của OED (dự thảo, tháng 7/2001)**

“Về nhiều khía cạnh, chương trình của NHTG ở Việt Nam theo đuổi rất sát sao các mục tiêu tổng hợp. Đặc biệt, chiến lược hỗ trợ được xây dựng từ việc bắt đầu thống nhất tập trung vào xóa nghèo. Công tác ngành ban đầu phân tích nghèo đói cung cấp thông tin đầu vào cho các dự án cũng như thiết kế của các dự án. Với ý nghĩa này, chương trình hỗ trợ có sự phối hợp chặt chẽ đặc biệt giữa các hoạt động cho vay và các hoạt động phi tín dụng. Ngoài ra, quan hệ đối tác và sự cộng tác rộng rãi là các yếu tố mạnh của chương trình hỗ trợ của NHTG, đặc biệt trong các hoạt động phi tín dụng; điều này đã được minh chứng thông qua các báo cáo: “Các giải pháp tư nhân cho cơ sở hạ tầng” (do quỹ hỗ trợ kỹ thuật của các nhà tài trợ xuất bản năm 1999); “Phát triển lành mạnh để giảm nghèo: Báo cáo Tổng quan ngành Y tế Việt Nam” (được bốn nhà tài trợ cấp kinh phí với sự đóng góp của 4 nhà tài trợ khác cũng như các tổ chức phi chính phủ và các nhóm dân sự, năm 2001); “Việt Nam 2010: Tiến vào thế kỷ 21” (đồng báo cáo của NHTG, ADB và UND, được đại diện của một nhà tài trợ song phương và một tổ chức phi chính phủ phản biện, 2000) và “Quản lý các nguồn lực công tốt hơn” (đánh giá chi tiêu công có sự tham gia của người dân, 2000).

Báo cáo kinh tế “Tấn công Nghèo đói” (1999) là sự tiếp theo của công tác nghiên cứu nghèo đói trước đây và nhận được sự ngợi khen rộng rãi của nhiều nhà quan sát trong thời gian công tác của đoàn OED hồi tháng 9/2000. Báo cáo đã tập hợp các kết quả của ĐTMSDC 1997/98, cũng như các đánh giá nghèo đói sâu sắc có sự tham gia rộng rãi của người dân do các tổ chức phi chính phủ tiến hành. Với kết quả đạt được trong báo cáo và ý thức rộng rãi về việc sở hữu kết quả, một nhóm công tác đã được thành lập do Bộ LĐTBXH đứng đầu để xây dựng chiến lược giảm nghèo. Báo cáo đã minh họa không chỉ mức ưu tiên cao mà IDA tiếp tục đưa ra để giám sát nghèo đói và phân tích tác động của hàng loạt các chính sách thích hợp đối với người nghèo, mà còn cả các lợi ích có được từ cách làm việc trong quan hệ hợp tác chặt chẽ của các đối tác, bên cạnh việc cho ra đời bản báo cáo”. (Khung 4.1 của Báo cáo).

nhất trong số những người nghèo, sang một phương thức qua đó việc giảm nghèo được lồng ghép trong tất cả các chính sách và đầu tư. CAS sắp tới của NHTG sẽ được xây dựng và xoay quanh CPRS của Việt Nam.

11. Hỗ trợ phân tích cho Chiến lược Giảm Nghèo. Trong suốt 3 năm qua, NHTG đã giúp chính phủ tiến hành các cơ sở phân tích về nghèo đói và các vấn đề xã hội sẽ củng cố cho Chiến lược Giảm nghèo toàn diện (CPRS). Về vấn đề này, cán bộ khu vực đã nhận được sự hỗ trợ của Ban Nghiên cứu của NHTG hiện đang hoàn thành phân tích sâu sắc nhất cho đến nay

về mối quan hệ giữa các chính sách và hậu quả của nghèo đói sẽ được xuất bản trong cuốn “Tăng trưởng kinh tế và phúc lợi hộ gia đình: Các bài học chính sách từ Việt Nam” (NTC 02). Vấn đề giới cũng trở thành một phần quan trọng trong hoạt động của NHTG, và NHTG đã làm việc với Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ để giúp họ soạn thảo Kế hoạch hành động 5 năm (POA) vì Sự tiến bộ của Phụ nữ giai đoạn 2001-2005. Kế hoạch này nhằm tăng cường bình đẳng giới trong lao động và việc làm; giáo dục; y tế; lãnh đạo và hoạch định chính sách. Một Khuôn khổ về Giới của Chính phủ và nhà tài trợ hiện đang được soạn thảo sẽ

hỗ trợ cho việc thực hiện Kế hoạch này. Nghiên cứu của NHTG về bạo lực gia đình trong cuốn “Việt Nam: Bạo lực trên cơ sở giới” là một trong những báo cáo đầu tiên nhằm nâng cao nhận thức của công chúng về vấn đề này, và báo cáo gần đây về “Đưa vấn đề giới vào phát triển” đã được dịch ra tiếng Việt, phổ biến rộng rãi, và có tác động tốt đối với thiết kế chiến lược giới của Việt Nam. Những vấn đề này hiện nay đang được lồng ghép trong các dự án do NHTG tài trợ, như đánh giá gần đây về vấn đề giới của đoàn công tác OED đã nêu ra. Với mục tiêu này, năm 2001, NHTG đã tiến hành đánh giá các vấn đề giới trong danh mục vốn vay đầu tư nông thôn của NHTG, đã đưa ra nhiều kiến nghị thực tế để cải tiến.

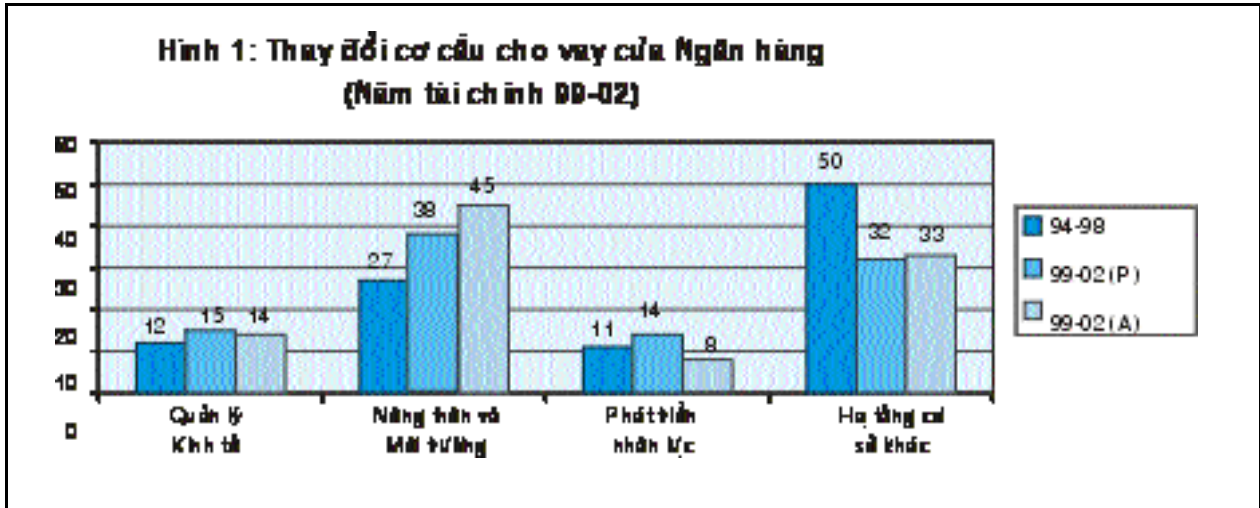
12. NHTG cũng rất tích cực hỗ trợ thiết kế hệ thống giám sát và đánh giá quá trình thực hiện CPRS. Đặc biệt Chính phủ vừa mới thông qua chiến lược 10 năm tiến hành Điều tra Hộ gia đình Đa mục tiêu (MPHS) hai năm một lần – bắt đầu từ năm 2002 - để có thể thu thập và phổ biến các số liệu thống kê riêng biệt về nghèo đói và các chỉ số xã hội của Việt Nam trên cơ sở thường xuyên hơn. NHTG, phối hợp với UNDP, DFID và Thụy Điển, đã và đang cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật và tài chính để đảm bảo là các cuộc MPHS sẽ cho số liệu thống kê kịp thời, chất lượng cao giúp Chính phủ giám sát tiến độ giảm nghèo ở Việt Nam.

13. Việt Nam đã cam kết theo đuổi 7 Mục tiêu Phát triển Quốc tế (IDTs), và việc áp dụng các mục tiêu này vào bối cảnh của Việt Nam đã trở thành chủ đề quan trọng trong các Hội nghị tư vấn tài trợ gần đây. Việt Nam đang trên đường thực hiện hầu hết các mục tiêu này, và NHTG đang làm việc rất tích cực với chính phủ, các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ để đảm bảo đạt được tất cả các mục tiêu này, và để quan điểm của các mục tiêu này

thật phù hợp với Việt Nam. Với mục tiêu này, một tập hợp tám tài liệu chuyên đề được soạn thảo để “quốc gia hóa” các mục tiêu này cho bối cảnh của Việt Nam. Căn cứ vào các chiến lược của chính phủ, các văn bản này sẽ xác định các mục tiêu và các chỉ số giám sát cụ thể hơn cho Việt Nam, cũng như xác định các chi phí chính sách và chương trình cần thiết để đạt được các mục tiêu này. Chúng sẽ cung cấp thông tin đầu vào quan trọng cho CPRS và sẽ được thảo luận tại Hội nghị Tư vấn tài trợ tổ chức vào tháng 12/2001 sắp tới.

14. NHTG dự định hỗ trợ việc thực hiện CPRS bằng cách kết hợp công việc phân tích cũng như hàng loạt các điều chỉnh và hoạt động đầu tư sẽ được nêu ra trong CAS sắp tới. Các hoạt động điều chỉnh sẽ nằm trong khuôn khổ của Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo (PRSC), tín dụng này sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện các chính sách cần thiết để giảm nghèo bao gồm cải cách vĩ mô và cơ cấu, phát triển nông thôn, phát triển nhân lực, hạ tầng cơ sở và quản lý nhà nước. Các nhà tài trợ khác như UNDP, ADB, JBIC, DFID, Thụy Điển, Đức, Hà lan, Đan mạch và rất nhiều nhà tài trợ khác cũng đang hỗ trợ quá trình này và đang tìm cách để liên kết các hỗ trợ của họ với CPRS của Chính phủ Việt Nam.

15. **Định hướng lại các khoản cho vay trong hỗ trợ giảm nghèo.** Do hơn 90% dân nghèo của Việt Nam sống ở nông thôn, CAS trước đã đề xuất một tỷ lệ lớn hơn các nguồn lực dành cho nông nghiệp, tạo việc làm cho khu vực nông thôn và quản lý nguồn lực tự nhiên. Sự thay đổi này đang được tiến hành, như kế hoạch đề ra (Hình 1). Hình này so sánh khoản cho vay thực tế trong các năm tài chính 94-98 được đề xuất trong CAS trước (cho NTC 99-02), với khoản cho vay thực tế NTC 99-01 và chương trình được lập cho NCT 02 được thể hiện trong báo cáo tiến độ thực hiện CAS này.



16. Chương trình cho vay theo những tỷ lệ này được thể hiện ở Bảng 1. Chương trình này cho thấy sự thay đổi quan trọng đan chéo giữa các ngành, đặc biệt là trong các ngành mà NHTG đang hỗ trợ. Ví dụ trong ngành năng lượng, sự thay đổi này thể hiện ở việc chuyển từ sản xuất điện sang việc cung cấp điện lần đầu tiên cho nhân dân ở nông thôn - bao gồm 2 triệu nông dân ở 32 tỉnh trong Dự án Điện Nông thôn đầu tiên — và nâng cấp dự án Hiệu quả Năng lượng và Năng lượng Tái tạo (NTC 2002). Trong lĩnh vực giao thông, đã có sự chú trọng hơn đến nâng cấp giao thông nông thôn, nơi mà mạng lưới giao thông thì tồi mà chi phí thì cao (dự án Giao thông Nông thôn II, NTC 2000). Trong lĩnh vực đô thị, đã có sự chú trọng nhiều hơn đến các dịch vụ cho người nghèo, đặc biệt trong dự án Nâng cấp Đô thị sắp tới (NTC 2003).

17. Dự án đầu tiên trong số này — Dự án Hạ tầng cơ sở nông thôn có sự tham gia của cộng đồng (giá trị 103 triệu đô-la Mỹ, NTC 2001) sẽ cấp tài trợ — ở mức từ \$21.000 đến \$64.000 đô-la Mỹ — cho các xã nghèo để xây dựng cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ ở 540 xã trong 13 tỉnh nghèo nhất ở miền Bắc và Duyên hải miền trung Việt Nam. Để được trợ giúp các cộng đồng phải tổ chức được các nhóm có đại diện rộng rãi gồm cả nam, nữ dân tộc thiểu số

để đánh giá tình hình của cộng đồng mình và xác định được các nhu cầu ưu tiên. Xã nào sử dụng nguồn tài trợ có hiệu quả sẽ được coi là đủ điều kiện nhận thêm hỗ trợ.

18. Dự án thứ hai — Giảm nghèo vùng núi phía Bắc (trị giá 110 triệu đô-la Mỹ, NTC 2002) — là một dự án đa ngành và phân cấp, trợ giúp cho sáu tỉnh miền núi phía Bắc là vùng nghèo nhất ở Việt Nam. Dự án sẽ mang lại lợi ích cho khoảng 1 triệu dân nghèo nông thôn trong 368 xã nghèo nhất, với dự tính khoảng 85% số người hưởng lợi từ dự án là đồng bào dân tộc thiểu số. Ngoài việc hỗ trợ cho chương trình giảm nghèo mục tiêu của chính phủ, hai dự án này cũng sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện Nghị định 29 về Dân chủ cơ sở nhằm tạo ra khuôn khổ rõ ràng cho việc đảm bảo tính minh bạch, sự tham gia và tính trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương. DANIDA và DFID đang hỗ trợ cho việc thiết kế và thực hiện dự án này.

19. Việc xây dựng CAS sắp tới xoay quanh CPRS sẽ tiếp sức thêm chương trình cho vay vốn của NHTG để phát triển nhân lực. Trong ba năm vừa qua, NHTG vẫn tiếp tục hỗ trợ thực hiện các dự án lớn đang triển khai của NHTG về Giáo dục tiểu học và Chăm sóc sức khỏe cơ sở, và đã cung cấp một khoản tín dụng mới cho

**Bảng 1: Tóm tắt chương trình cho vay của IDA
(NTC 99-02)**

Năm tài chính	Dự án	Số tiền Trị giá (Triệu Đô-la Mỹ)
FY99	Giáo dục đại học	83,3
FY99	Quản lý nguồn nước sông Cửu Long	101,8
FY99	Giao thông Đô thị	42,7
FY99	Vệ sinh 3 thành phố	80,5
	Tổng số	308,3
FY00	Giao thông nông thôn II	104
FY00	Bảo vệ & phát triển rừng ngập mặn	32
FY00	Năng lượng nông thôn	150
	Tổng số	286
FY01	Phòng chống lũ lụt và giao thông sông Cửu Long	110
FY01	Vệ sinh môi trường thành phố Hồ Chí Minh	166
FY01	Hạ tầng cơ sở nông thôn có sự tham gia của cộng đồng	103
FY01	Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo (SAC II)	250
	Tổng số	629
FY02	Phát triển Giáo viên tiểu học	20
FY02	An toàn máu	40
FY02	Giảm nghèo miền núi phía Bắc	110
FY02	Nâng cao Hiệu quả hệ thống, Cổ phần hoá và năng lượng tái tạo	198
	Phương án thấp/cơ sở	368
FY02	Tài chính Nông thôn II	200
FY02	Nhà máy điện Phú Mỹ II (IDA Bảo lãnh từng phần)	75
	Phương án cơ sở/cao (chưa kể bảo lãnh)	568
	Kể cả bảo lãnh	643

Dự án Giáo dục Đại học với khoảng 83 triệu đô la Mỹ (NTC 99). NHTG cũng đề xuất 2 khoản tín dụng trong NTC 2002 cho An Toàn máu (40 triệu đô la Mỹ) và Phát triển Giáo viên tiểu học (20 triệu).

20. Đối với ngành y tế, cho tới nay các nhà tài trợ và chính phủ vẫn chưa có sự nhất

trí rõ ràng nên NHTG phải tạm ngừng dự án Chăm sóc sức khỏe cho người nghèo (bây giờ gọi là Dự án Hiện đại hoá Hệ thống chăm sóc sức khỏe tốt) đến NTC 03 và đồng thời giảm qui mô vốn vay từ 100 triệu xuống còn 60 triệu đô la Mỹ. Chương trình sắp tới cho ngành y tế sẽ được đưa ra trên cơ sở báo cáo được xuất bản gần đây mang tên “Phát triển

lành mạnh để giảm nghèo: Tổng quan ngành Y tế Việt Nam” (NTC 2001) cung cấp các phân tích phong phú và chi tiết về các động lực chính của ngành y tế.

21. Đối với lĩnh vực giáo dục, mặc dù đã có những tiến triển tốt trong các dự án đang được thực hiện, nhưng vẫn còn một số ách tắc trong việc đi đến thoả thuận về hỗ trợ trong tương lai. Dự án phát triển giáo viên tiểu học (NTC 02), đồng tài trợ với DFID, được thiết kế nhằm hỗ trợ cải cách dài hạn và phát triển chuyên môn của giáo viên tiểu học của chính phủ. Đây là một chương trình kỳ vọng, đòi hỏi cải cách giáo trình và cơ cấu lại hệ thống lương cho giáo viên song lại cần nhiều thời gian hơn dự kiến để có được sự nhất trí giữa các ban ngành chủ chốt của chính phủ. Chính phủ mới đây đã yêu cầu NHTG sửa lại dự án này thành một hoạt động đầu tư, chứ không phải là Chương trình cho vay có điều chỉnh (APL), và giảm số vốn vay xuống còn 20 triệu đô la Mỹ, với cam kết là chính phủ sẽ xem xét tiếp tục hoạt động đầu tư này trên cơ sở kết quả của giai đoạn 1. Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ thiệt thòi (NTC 2003) nhằm tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục tiểu học. Một mục tiêu quan trọng sẽ là nâng cao chất lượng của giáo dục cơ sở, chứ không phải chỉ có số lượng. Dự án này sẽ được đưa ra dựa trên các đánh giá chính về thành tích của học sinh trong môn đọc và toán hiện đang được NHTG và Chính phủ cùng thực hiện (xem Phụ lục 7: Danh sách chi tiết các nghiên cứu kinh tế và ngành).

22. Công tác môi trường của NHTG tập trung hỗ trợ ba mục tiêu chính của chiến lược môi trường của chính phủ: (i) ngăn chặn và kiểm soát ô nhiễm; (ii) bảo vệ giữ gìn và sử dụng bền vững các nguồn lực tự nhiên và sinh học đa dạng; và (iii) tăng cường chất lượng môi trường ở các vùng đô thị, nông thôn và công nghiệp. Các mục tiêu này nhận được sự hỗ trợ của nhiều hoạt động đánh giá tư vấn phân tích

(AAA) như hoạt động hỗ trợ loại bỏ xăng pha chì (chuyển hoàn toàn sang dùng xăng không pha chì từ 1-7-2001); bốn khoản tài trợ cấp trung từ Quỹ môi trường toàn cầu (GEF) (cho Dự án Bảo vệ Khu vực biển Hòn Mun, hành lang xanh Bạch mã - Hải vân, khu bảo tồn thiên nhiên Chu Yang Sin và Đa dạng hoá Sinh thái vùng núi đá vôi Cúc Phương - Pu Loung; và Chương trình Nâng cấp Môi trường ở các thành phố lớn (MEIP) tại Hải phòng.

Điểm 2: Hỗ trợ quá trình chuyển sang nền kinh tế định hướng thị trường

23. Các hành động và quyết định quan trọng được tiến hành trong 18 tháng qua, khi được thi hành xong, sẽ đặt nền kinh tế Việt Nam vào một quỹ đạo phát triển bền vững hơn. Khu vực tư nhân trong nước đang hưởng ứng rất tốt với các cải cách chính sách, với khoảng 20.000 doanh nghiệp mới đăng ký từ tháng 1/2000 theo Luật Doanh nghiệp mới. Hiệp định thương mại song phương với Mỹ đã được ký, hiệp định này cùng với cam kết theo AFTA và NHTG, đã vạch ra một sách lược thương mại rõ ràng cho bảy năm tới. Các hiệp định quan trọng đã được tiến hành với khu vực tư nhân nước ngoài về phát triển năng lượng và cơ sở hạ tầng liên quan. Khoảng 500 DNNN đã được cổ phần hóa, và chương trình an sinh xã hội cho cải cách DNNN đã được thiết lập. Trần lãi suất đã bị xóa bỏ đối với các khoản vay ngoại tệ, và các luật Đầu tư nước ngoài, Luật Dầu và khí đốt, Luật đầu tư trong nước được sửa đổi đã cải thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp.

24. Chính phủ nhận thức rất rõ rằng xây dựng một nền kinh tế định hướng thị trường sẽ đòi hỏi phải liên tục cải cách chính sách và thể chế trong suốt thập kỷ tới. Do đó, năm nay chính phủ đã thông qua chương trình cải cách 5 năm trong năm lĩnh vực chính với khoản tài trợ 250 triệu đôla Mỹ theo Tín dụng Hỗ trợ Giảm

nghèo (PRSC) (xem Khung 3) được Ban Giám đốc NHTG chấp thuận hồi tháng 5/2001, và theo Chương trình Tăng trưởng và Giảm nghèo của IMF. Chương trình cải cách này đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế, kể cả sự đồng tài trợ của nhiều nhà tài trợ song phương, gồm Đan Mạch, Thụy Điển, Vương quốc Anh và Hà Lan.

25. Thỏa thuận đạt được trong năm nay dựa trên chương trình ba năm liên tục hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực của NHTG và các nhà tài trợ khác. IFC và Chương trình Phát triển Dự án Mê Kông (MPDF) cũng đóng góp tạo ra môi trường có lợi cho sự phát triển của khu vực tư nhân (xem mục IV B để biết thêm chi tiết). Trong giai đoạn của CAS này, MPDF đã tiến hành nhiều nghiên cứu về các trở ngại đối với khu vực tư nhân trong nước. NHTG vừa hoàn tất một nghiên cứu đánh giá tác động việc làm của luật Doanh nghiệp mới. Và IFC đã đưa ra sáng kiến về một nghiên cứu toàn diện tập trung vào sự phát triển của khu vực tư nhân và các trở ngại đối với sự tăng trưởng tiếp theo của khu vực tư nhân để thông báo cho các nhà hoạch định chính sách về các bước tiếp theo có thể tiến hành để hỗ trợ sự phát triển của khu vực tư nhân. Trong quá trình này, cả hai phía đã thấy rõ là công việc chuẩn bị cần thiết hơn mức chúng được hiểu trước đây. Cần phải có thời gian và đầu tư cho việc thiếu cơ bản các số liệu, phân tích và thiếu hiểu biết các khía cạnh kỹ thuật của cải cách cùng với nhu cầu xây dựng sự nhất trí giữa các nhà hoạch định chính sách về hoạt động chính sách thường không phù hợp với quan điểm thị trường.

26. Do đó, trong ba năm vừa qua, NHTG đã huy động khoảng 10 triệu đô la Mỹ viện trợ (từ quỹ PHRD, ASEM và các nguồn song phương khác) để hỗ trợ các nhu cầu kỹ thuật trong lĩnh vực ngân hàng và cải cách doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu điều chỉnh lại, và mạng lưới an sinh xã hội. Công việc này đã thành công thông qua việc thành lập các nhóm công tác của chính phủ và nhà tài trợ trong từng lĩnh vực cải

cách, và một chương trình công tác và đối thoại kinh tế và ngành với Chính phủ (xem Bảng 2). Báo cáo tổng quan về chương trình cải cách – mang tên “Việt Nam: Tiến vào Thế kỷ 21” được soạn thảo với sự hợp tác của Ngân hàng Phát triển châu Á và UNDP, đã trở thành nội dung thảo luận trong Hội nghị Tư vấn Tài trợ tháng 12/2000 tại Hà Nội. Ngoài ra một báo cáo không chính thức mang tên “Điểm lại: Cập nhật cải cách kinh tế ở Việt Nam” được soạn thảo cho hội nghị tư vấn tài trợ không chính thức được tổ chức ở Hội An hồi tháng 6/2001 vừa qua, đã cung cấp một đánh giá tổng quan về việc thực hiện chương trình cải cách và điểm lại các hỗ trợ kỹ thuật đã làm.

27. Việc chuyển sang một nền kinh tế có định hướng thị trường hơn cũng được hỗ trợ thông qua toàn bộ các dự án vay vốn. Hầu hết các dự án được thiết kế nhằm tăng cường phát triển thể chế và chính sách hỗ trợ cho các phương thức định hướng thị trường. Các ví dụ điển hình ở đây là:

- các dự án đô thị của NHTG (cung cấp dịch vụ đô thị và đề xuất các loại phí đánh vào người sử dụng);
- các dự án năng lượng (hỗ trợ cho hình thức đầu thầu cạnh tranh trong sản xuất điện, dịch vụ cung cấp tư nhân ở cấp xã và đề xuất cách tính giá theo cận biên dài hạn (LRMC));
- các dự án nông thôn (phân bổ và đăng ký sử dụng đất, đề xuất hình thức ngân hàng hiện đại về tín dụng nông thôn);
- các dự án giáo dục (chuyển trợ cấp từ người sản xuất đến người dùng sách vở, đề xuất hình thức phân bổ cạnh tranh nguồn vốn cho giáo dục đại học).

28. Ngoài ra, cải cách DNNN còn nhận được sự hỗ trợ của các dự án năng lượng, giao thông, phát triển nông thôn, và giáo dục. Theo OED, các can thiệp ngành này có ảnh hưởng quan trọng đến môi trường chính sách và thể chế ở Việt Nam (Khung 4).

Khung 3: Chương trình cải cách trung hạn của Việt Nam được Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo hỗ trợ

- (1) **Cải thiện môi trường cho khu vực tư nhân, từ đó tạo ra nhiều việc làm thu nhập cao hơn và điều kiện sống cao hơn bằng cách:**
- Xóa bỏ các trở ngại đối với việc tham gia của doanh nghiệp tư nhân ở các tiểu ngành còn lại;
 - Hướng tới một khuôn khổ pháp lý thống nhất cho tất cả các doanh nghiệp tư nhân ở bất kỳ hình thức sở hữu nào; và
 - Tạo điều kiện tiếp cận và các giao dịch tư nhân về quyền sử dụng đất.
- (2) **Cải cách doanh nghiệp nhà nước (DNNN) để nâng cao tính hiệu quả và tăng các nguồn tài chính cho giảm nghèo bằng cách:**
- Tăng cường cổ phần hóa, giải thể và bán đứt các doanh nghiệp nhà nước
 - Điều chỉnh khuôn khổ pháp lý để nâng cao tính hiệu quả và tính minh bạch của việc cổ phần hóa;
 - Tiến hành kiểm toán chẩn bệnh và thực hiện các kế hoạch cơ cấu lại các DNNN lớn thuộc sở hữu nhà nước hoàn toàn;
 - Đưa ra các thông tin đáng tin cậy về hoạt động của DNNN hàng năm; và
 - Mở rộng hệ thống an sinh cho công nhân thuộc DNNN phải thôi việc do cải cách.
- (3) **Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng bằng cách:**
- Nâng cao các khuôn khổ pháp lý, điều tiết và giám sát, qua đó tăng cường hệ thống ngân hàng cẩn trọng;
 - Cơ cấu lại các ngân hàng cổ phần phi nhà nước và giảm bớt số lượng các ngân hàng này;
 - Tăng cường minh bạch và độ tin cậy của các thông tin về hệ thống ngân hàng; và
 - Cơ cấu lại và thương mại hóa bốn ngân hàng lớn của nhà nước thông qua việc cơ cấu lại vốn theo giai đoạn và điều kiện.
- (4) **Hội nhập với nền kinh tế thế giới để mở rộng mặt hàng xuất khẩu cần nhiều lao động bằng cách:**
- Xóa bỏ các hạn chế định lượng về mức thuế của sáu nhóm sản phẩm nữa;
 - Giảm thuế cho các mặt hàng nhập khẩu trong khối ASEAN cùng với lộ trình AFTA hàng năm;
 - Mở rộng sự tham gia của tư nhân vào xuất khẩu bằng cách tăng tỷ lệ hạn ngạch xuất khẩu đồ may mặc được đấu giá và thông qua việc tự do xuất khẩu gạo.
- (5) **Nâng cao quản lý chi tiêu công bằng cách :**
- Đảm bảo thông tin ngân sách kịp thời, toàn diện và thống nhất;
 - Nâng cao quản lý và kiểm tra các hạng mục chi tiêu trong năm;
 - Tăng cường minh bạch nội bộ và bên ngoài bằng cách tăng tiếp cận của các tổ chức nhà nước với chi tiết về đầu ra ngân sách và công bố các thông tin về ngân sách, kể cả việc công bố ngân sách xã;
 - Khuyến khích bình đẳng hơn nữa về chi tiêu công giữa các tỉnh, đặc biệt là các chi tiêu xã hội; và
 - Gắn kết tốt hơn chi tiêu vốn với chi tiêu định kỳ.

Bảng 2: Đóng góp cho các cải cách thể chế và chính sách chính

Chỉ số	Cải cách chính	Tư vấn chính sách /AAA
Cơ cấu chính sách thương mại và tỷ giá ngoại tệ	Các trở ngại định tính (QR) đối với nhập khẩu từ 40% năm 1999 đến nay đã giảm xuống còn 20%, với kế hoạch sẽ xóa bỏ thêm nhiều trở ngại nữa. Thuế suất trung bình từ 19% năm 1999 đến nay giảm xuống còn 15%. Thu xuất khẩu tăng ở mức trung bình là 15% năm trong giai đoạn 1998-2001 với tỷ lệ sản xuất tăng lên 37% trong tổng kim ngạch xuất khẩu.	Tư vấn chính sách toàn diện về các vấn đề chính sách thương mại. Các nghiên cứu kỹ thuật đã tiến hành: (i) Tác động tiềm năng của hiệp định thương mại Việt Mỹ và AFTA; (ii) Tác động của QR và việc loại bỏ các trở ngại đó đối với các ngành chính (xi măng, sắt thép, nhựa, đường và các sản phẩm dầu lửa); (iii) Hậu quả phân bổ và nghèo đói của tự do hóa thương mại và đầu tư.
Hiệu quả ngành ngân hàng và việc huy động các nguồn lực	Lãi suất đã được thả nổi vào năm 2000. Các ngân hàng hiện nay được phép định giá khoản vay nội tệ trong phạm vi thang qui định; không có qui định lãi suất trần đối với khoản vay ngoại tệ. Năm 2001 Chính phủ đã chấp thuận một chương trình chi tiết về cơ cấu lại ngân hàng với các mục tiêu quý để tái cơ cấu vốn theo giai đoạn và điều kiện.	Một chương trình lớn về hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho NHNN và từng ngân hàng riêng lẻ hỗ trợ cải cách các quy tắc hệ thống ngân hàng; hỗ trợ tăng cường giám sát ngân hàng bằng cách soạn thảo các sổ tay hướng dẫn về điều tra tại chỗ; hỗ trợ lập kế hoạch cơ cấu lại các NHT-MQD. NHTG cũng xây dựng một MIS để giám sát tiến độ đạt được các mục tiêu năm và tiếp nhận các quỹ tái cơ cấu vốn được nêu trong các kế hoạch tái cơ cấu từng NHTMQD.
Môi trường cạnh tranh cho khu vực tư nhân	Luật Doanh nghiệp được thực hiện vào tháng 1/2000 cho phép các doanh nghiệp mới trong nước được đăng ký gần như tự động, xóa bỏ nhu cầu tự ý chấp thuận như trước đây. Cản trở về việc cấp giấy phép kinh doanh được xóa bỏ cho 145 tiểu ngành để tạo điều kiện các doanh nghiệp tư nhân tham gia và chính phủ cam kết sẽ xóa bỏ/ sửa đổi việc cấp giấy phép này ở 50 tiểu ngành nữa. Ngoài ra, luật Đầu tư nước ngoài được sửa đổi năm 2000 nhằm giảm phạm vi "tập trung" của các DNNN trong việc sử dụng tín dụng và tỷ giá ngoại tệ. Cải cách DNNN được thực hiện sẽ làm cho các DNNN trở nên hiệu quả hơn.	NHTG (bao gồm cả IFC) đã rất tích cực trong đối thoại chính sách với Chính phủ và khuyến khích diễn đàn doanh nghiệp tư nhân để cả các cán bộ cấp cao của chính phủ và đại diện của các doanh nghiệp trong và ngoài nước thảo luận về môi trường kinh doanh ở Việt Nam.
Chất lượng ngân sách và quản lý tài chính	Thông tin ngân sách đã không còn là bí mật và lần đầu tiên được công bố vào tháng 6/1999. Năm 1999 các xã được yêu cầu thông báo về ngân sách của xã đó trước cửa văn phòng. Số liệu dựa trên nguyên tắc quốc tế lần đầu tiên được ghi lại và báo cáo vào năm 1999.	NHTG và IMF đã soạn thảo một đồng báo cáo "Tiến tới Minh bạch Tài chính" vào cuối năm 1998 và Đánh giá chi tiêu công năm 2000, báo cáo Đánh giá chi tiêu công được soạn thảo cùng với chính phủ và các nhà tài trợ.

Khung 4. Đóng góp của các can thiệp ngành của NHTG Theo Đánh giá Hỗ trợ của gia của OED

"NHTG đã góp phần vào sự tăng trưởng liên tục, vào giảm nghèo và phát triển thể chế thông qua các can thiệp ở cấp ngành. Cùng với các nhà tài trợ khác, chẳng hạn như trong cải tạo quốc lộ và phát triển đô thị (nước và vệ sinh), NHTG đã giúp cải thiện điều kiện và khả năng tiếp cận với các cơ sở hạ tầng kinh tế. Trong ngành năng lượng, tăng tỷ lệ được dùng điện một phần là do những dự án điện thành công. Sự can thiệp của NHTG vào ngành điện cũng giúp phát triển kế hoạch tổng thể về điện khí hóa nông thôn, tăng cường năng lực thể chế trong những công ty điện lực chịu trách nhiệm phân phối và trong Tổng công ty Điện lực Việt Nam, và giúp cải thiện kế hoạch cũng như hiệu quả của hệ thống cung ứng điện. Mặc dù cần vài năm để chính phủ hoàn thành thương lượng về sự tham gia của tư nhân trong ngành năng lượng, nhưng với sự can thiệp của NHTG, bằng việc cho vay, hỗ trợ kỹ thuật, và tạo điều kiện cho những khoản viện trợ không hoàn lại, đã mở đường cho sự tham gia của tư nhân trong ngành này. Trong y tế, NHTG đã giúp tái thiết lại mạng lưới dịch vụ y tế ở cấp xã, để thực hiện các chương trình tiêm chủng, và đã thành công trong việc giảm tỷ lệ tử vong do các bệnh truyền nhiễm và trong cải thiện kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc bà mẹ". (đoạn 4.4)

Điểm 3: Nâng cao quản lý nhà nước phục vụ tăng trưởng và giảm nghèo

29. Đại hội Đảng lần thứ IX rất chú trọng đến yêu cầu nâng cao tính hiệu quả của cơ cấu quản lý nhà nước với tư cách là một công cụ bổ sung cho các cải cách chính sách nếu Việt Nam tiến hành hiện đại hóa thành công. Ngân hàng Thế giới rất ủng hộ sự chú trọng vào năm lĩnh vực rộng lớn. Chương trình nghị sự của mỗi lĩnh vực này đều rất lớn và đòi hỏi sự hỗ trợ lâu dài.

30. **(i) Tăng cường thông tin, tính minh bạch và quản lý tài chính công.** Việt Nam vẫn là nước có các hệ thống thông tin nghèo nàn và tính minh bạch kém. Căn cứ vào đồng báo cáo NHTG-IMF mang tên "Tiến tới minh bạch tài chính" (NTC 99), lần đầu tiên Chính phủ đã công bố ngân sách nhà nước, công bố các số liệu thống kê tài chính chính phủ trong Niên giám Thống kê Tài chính Chính phủ của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), nâng cao chuẩn mực kế toán và kiểm toán, và nâng cao quản lý nợ nước ngoài và ODA. Báo cáo Đánh giá Chi tiêu Công do Chính phủ và NHTG phối hợp tiến hành năm ngoái, - cùng với báo cáo Đánh

giá Trách nhiệm Tài chính Quốc gia (NTC 01) mới được hoàn thiện gần đây -- đưa đến việc chuẩn bị Dự án Quản lý Tài chính Công trị giá 50 triệu đô la Mỹ (NTC 03) (xem bảng 3). Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo (NTC 01) hỗ trợ kiểm toán các ngân hàng thương mại nhà nước và chuyển sang tiêu chuẩn kế toán quốc tế cho các ngân hàng này. Sự hỗ trợ của NHTG để nâng cao tính minh bạch và tăng cường mức độ sẵn có của số liệu được bổ xung bằng các can thiệp chính sách dự án và can thiệp ngành. Ví dụ như khoản Tài trợ của Quỹ Phát triển Quốc tế (IDF) cho Hệ thống Thông tin Môi trường (đang thực hiện) và việc công bố Chỉ số Môi trường (NTC 2002) đang tìm cách đưa các thông tin cần thiết đến quần chúng theo cách có thể tác động đến chính sách và hành vi.

31. **(ii) Các phương thức có sự tham gia của người dân.** NHTG đã sử dụng các phương thức có sự tham gia của người dân trong tất cả các dự án cho vay của mình. Bốn báo cáo Đánh giá nghèo đói có sự tham gia của người dân đã được thực hiện trong NTC 2000 cùng với tổ chức phi chính phủ Oxfam Anh, ActionAid, quỹ Cứu trợ Nhi đồng Anh và Chương trình Phát

Bảng 3: Các hoạt động hỗ trợ Quản trị Nhà nước tốt

Các lĩnh vực của quản trị nhà nước	Các dự án cho vay	Các dự án tài trợ
Minh bạch	Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo (NTC 01) Dự án Quản lý Tài chính Công (NTC 03) Tất cả các dự án cơ sở hạ tầng yêu cầu phổ biến rộng rãi Chính sách tái định cư	Đánh giá Chi tiêu Công (NTC 01) Tất cả các dự án cơ sở hạ tầng yêu cầu phân phát rộng rãi các cuốn sách mỏng về Chính sách đền bù/tái định cư và giám sát môi trường (NTC 02) Sáng kiến giám sát ngân sách có sự tham gia của người dân phối hợp với Bộ Tài chính (NTC 02) Thử nghiệm điều tra theo "Phiếu đánh giá" (NTC 02)
Sự tham gia	Vệ sinh ba thành phố (NTC 99) Rừng ngập mặn (NTC 00) Cơ sở hạ tầng Nông thôn có sự tham gia của cộng đồng (NTC 01) Giảm nghèo miền núi phía bắc (NTC 02) Áp dụng chính sách đền bù/tái định cư	4 PPAs (NTC 00) Việt Nam: Tiếng nói của người nghèo (NTC 00) Việt Nam: Tấn công Nghèo đói (NTC 00) Hỗ trợ kỹ thuật cho khuôn khổ pháp lý cho các tổ chức phi chính phủ trong nước (NTC 00)
Cải cách pháp lý		Hỗ trợ kỹ thuật cho luật điện năng HTKT cho luật khí đốt HTKT cho luật khai thác mỏ HTKT cho luật đất đai HTKT cho luật nước sinh hoạt HTKT cho luật về các tổ chức và hiệp hội Đánh giá Nhu cầu pháp lý (NTC 02)
Cải cách hành chính công	Dự án CSHT nông thôn có sự tham gia của cộng đồng (NTC 01) Giảm nghèo miền núi phía bắc (NTC 02)	Việt Nam: Tiến vào Thế kỷ 21 st (NTC 01) IDF cho Tiến hành phân cấp (NTC 01)
Chiến lược chống tham nhũng	Đánh giá Hoạt động Danh mục Vốn vay Quốc gia (CPPR) (NTC 01 và NTC 02)	CFAA (NTC 01) CPAR (NTC 02) Việt Nam: Chống tham nhũng (NTC 01) IDF cho Nâng cao trách nhiệm tài chính IDF cho Mua sắm Công

triển Nông thôn miền núi Việt Nam của Thụy Điển. Các báo cáo này được tập hợp trong hai báo cáo “Việt Nam: Tiếng nói của người nghèo” (NTC 2000) và “Việt Nam: Tấn công Nghèo đói” (NTC 2000). Ngày càng có nhiều dự án có sự tham gia tích cực của người dân trong cả giai đoạn chuẩn bị và thực hiện. Ví dụ như Dự án Vệ sinh Ba thành phố (NTC 1999) có bao gồm một bộ phận mang tính đổi mới, do Hội liên hiệp Phụ nữ và các nhóm cộng đồng thực hiện, đã cung cấp khoản vay nhỏ (khoảng 150 đô la Mỹ) giúp các hộ gia đình nghèo nâng cấp thiết bị vệ sinh. Tất cả các ngành có tác động đến tái định cư đều áp dụng nguyên tắc lấy ý kiến của người dân trong việc lựa chọn khu vực tái định cư/mức đền bù và các cơ chế khiếu nại. Dự án Rừng Ngập Mặn (NTC 2000) đã lựa chọn phương thức tham gia của người dân trong quá trình chuẩn bị và bao gồm cả Quỹ Hỗ trợ Xã hội và Quỹ Phát triển Dân tộc. Thiếu số là các quỹ được quyết định theo cách có sự tham gia của người dân và hai dự án giảm nghèo phân cấp – Dự án Cơ sở hạ tầng nông thôn có sự tham gia của cộng đồng (NTC 01) và dự án Giảm nghèo miền núi phía bắc (NTC 02) - đã đặt phương thức có sự tham gia của người dân làm trọng tâm trong thiết kế và thực hiện của dự án.

32. **(iii) Phát triển hệ thống pháp lý** — Trong thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã nỗ lực xây dựng hệ thống pháp lý nhà nước, theo tôn chỉ của Hiến Pháp 1992. Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, nhưng các cán bộ và các nhà tài trợ đều đồng ý rằng trên thực tế còn nhiều việc phải làm đối với tất cả các lĩnh vực chính của hệ thống pháp lý. Hiện nay, vẫn chưa có một chiến lược nào về phát triển hệ thống pháp lý của Việt Nam một cách hệ thống. Trong các năm vừa qua NHTG đã rất tích cực cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và cố vấn cho việc xây dựng các luật chủ chốt để Việt Nam chuyển sang nền kinh tế hiệu quả và định hướng thị trường hơn. Các luật này bao gồm luật điện năng, khí đốt

và khai thác mỏ, luật đất đai và nước sinh hoạt, luật tổ chức phi chính phủ, và luật Doanh nghiệp. Mặc dù những hoạt động này sẽ là những đóng góp quan trọng, nhưng vẫn cần có một phương thức toàn diện và hệ thống hơn để xây dựng một hệ thống pháp lý hoạt động tốt làm nền tảng cho sự chuyển đổi của Việt Nam.

33. Do vậy, Đánh giá Nhu cầu Pháp lý toàn diện đang được tiến hành để Việt Nam có thể đưa ra một hệ thống pháp lý hoàn chỉnh, chặt chẽ và hoạt động tốt. Các đánh giá bao gồm: (i) hệ thống pháp lý và quá trình đề ra luật; (ii) các thể chế pháp lý; (iii) giáo dục pháp lý; và (iv) thu thập và phổ biến thông tin pháp lý. Công việc này đang được sự ủng hộ của các nhà tài trợ đa phương và song phương như Đan Mạch, Pháp, Nhật Bản, Thụy Điển và Úc đang hỗ trợ cho bốn đánh giá này cùng với Ngân hàng Thế giới, UNDP và ADB cung cấp các hỗ trợ tư vấn chung. Công việc này sẽ được hoàn thành vào tháng 3/2002 và sẽ là chủ đề chính của Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà tài trợ giữa kỳ tổ chức vào tháng 6/2002.

34. **(iv) Cải cách hành chính công (PAR).** Cho đến nay, sự hỗ trợ của NHTG cho cải cách hành chính công đã được tiến hành bước đầu ở cấp ngành. Hầu hết các dự án đều có phần tăng cường hiệu quả hành chính. Đã có các tiến triển đáng kể ở một số ngành (như năng lượng), trong khi ở một số ngành khác có ít tiến triển hơn. Một số dự án đang hỗ trợ cho các chuyển đổi hệ thống hơn trong cách thức hoạt động của khối hành chính công, đặc biệt ở cấp Tỉnh và địa phương. Các tiến triển đáng kể ở đây là hai dự án nông thôn phân cấp lớn, đang hỗ trợ cho sự chuyển đổi quan trọng về trách nhiệm sang cấp địa phương và kết hợp với tăng cường năng lực cần thiết. NHTG cũng đang cung cấp hai khoản tài trợ IDF để tăng cường năng lực cho việc thực hiện dự án phân cấp và cải cách việc sắm thiết bị.

35. Cho đến nay, NHTG mới chỉ hỗ trợ được rất ít cho cải cách hành chính công ở cấp quốc gia, do thiếu một chiến lược rõ ràng của chính phủ. Điều này đến nay đã bắt đầu thay đổi. Chiến lược Hành chính Công gần đây đã được Thủ tướng chấp thuận. Vấn đề quan trọng đối với Chiến lược Hỗ trợ Quốc gia (CAS) sắp tới sẽ là phần hỗ trợ của NHTG được xác định trong mối liên hệ với các hoạt động đối tác khác (ADB, UNDP, và các nước Bắc Âu).

36. **(v) Đấu tranh chống tham nhũng.** Giải quyết tham nhũng là một ưu tiên quan trọng ở Việt Nam. Chính phủ đã cố gắng gián tiếp đấu tranh với tham nhũng bằng cách cải thiện môi trường điều tiết và xóa bỏ quan liêu bao cấp, quan trọng nhất là thông qua việc thực hiện Luật Doanh Nghiệp từ tháng Giêng năm 2000, và thông qua cải cách về mua sắm thiết bị. Tuy nhiên, do thiếu một chiến lược rõ ràng, nên sự hỗ trợ của các nhà tài trợ cho Việt Nam để chống tham nhũng – trong đó có cả sự hỗ trợ của NHTG, còn hạn chế. Mặc khác, NHTG đang tìm kiếm các biện pháp, thông qua Đánh giá Trách nhiệm Tài Chính Quốc Gia (CFAA, NTC 01), và Tổng Quan Đánh giá Mua sắm Quốc Gia (CPAR, NTC 02), và Đánh giá Hoạt động Danh mục Vốn vay hàng năm (xem dưới đây) để nâng cao quản lý tài chính của Hoạt động Danh mục vốn vay của NHTG. NHTG cũng đã xuất bản một sổ tay hướng dẫn thực tế cho các giám đốc dự án, các bộ và các nhà tài trợ khác mang tên “Việt Nam: Đấu tranh chống tham nhũng” (NTC 00) như là một công cụ thực tế để đấu tranh với tham nhũng trong các dự án phát triển. Ngoài ra, một số IDF được cung cấp cho Việt Nam để nâng cao trách nhiệm tài chính và củng cố việc mua sắm công.

B. Các vấn đề tiềm năng mới cho CAS sắp tới

37. Công việc chuẩn bị cho CAS toàn diện sắp tới đã được nêu ra trong Cuộc họp Tổng kết

hàng năm của văn phòng NHTG tại Việt Nam được tổ chức hồi tháng 5/2001 và đang được tiến hành song song với việc chuẩn bị chiến lược giảm nghèo của Chính phủ, là chiến lược củng cố CAS. Tiếp theo, còn có một vài vấn đề được chọn ra trong các yêu cầu cấp bách hiện tại đặt ra cho Việt Nam chưa được giải quyết triệt để trong CAS trước (hầu hết những vấn đề này đã được nêu lên trong báo cáo tiến độ lần trước), những vấn đề này có thể đảm bảo sự quan tâm ngày càng tăng của NHTG đến:

38. **Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ** – Mặc dù số lượng các doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng lên mạnh kể từ khi thông qua Luật Doanh Nghiệp vào tháng 1/2000, nhưng vẫn còn nhiều thách thức và NHTG có thể tham gia nhiều hơn vào lĩnh vực này.

39. **Tri thức cho phát triển** – Chính phủ rất quan tâm đến việc xây dựng một chiến lược để trở thành ‘nền kinh tế tri thức’. Yếu tố quan trọng ở đây sẽ là tăng cường tiếp cận với tri thức toàn cầu thông qua công nghệ thông tin và viễn thông (ICT). NHTG có thể tham gia nhiều hơn vào lĩnh vực này.

40. **Quản trị Doanh nghiệp** – Với việc thông qua chương trình cơ cấu hóa, tăng quyền tự chủ cho các DNNN, và mở rộng khu vực tư nhân, cần phải giải quyết các vấn đề về Quản trị doanh nghiệp. Các vấn đề liên quan bao gồm các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán, phổ biến thông tin, quyền của các bên tham gia và quan hệ của người trong cuộc.

41. **Cải cách pháp lý và hành chính công** -- Kể từ CAS trước, Chính phủ đã chấp thuận phương thức hệ thống về nâng cao hành chính công và cải cách pháp lý. Hiện nay NHTG có thể tham gia nhiều hơn vào những lĩnh vực này để giúp thực hiện các kế hoạch hành động đang được xây dựng.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CỦA NHTG

A. CHƯƠNG TRÌNH IDA

42. CAS lần trước đã xây dựng ba phương án cho vay (Bảng 4), và “các điều kiện” để chuyển từ phương án này sang phương án khác, theo: (i) cải cách cơ cấu; (ii) quản lý vĩ mô; (iii) nghèo đói và công bằng xã hội; (iv) quản lý hoạt động danh mục vốn vay; và (v) chính sách ngành.

43. Trong các NTC 99 – 00, các dự án cho vay của NHTG nằm giữa phương án thấp và cơ bản. Trong NTC 01 (629 triệu đô la Mỹ) với sự thông qua một chương trình lớn về cải cách (do PRSC tài trợ), các dự án cho vay đã chuyển lên mức cao hơn phương án cơ sở. Về các chính sách kinh tế và điều chỉnh cơ cấu, Việt Nam hiện nay đang ở mức rất gần với phương án

cao, với các điều kiện về quản lý kinh tế vĩ mô, cải cách ngân hàng, chính sách DNNN, phát triển khu vực tư nhân, các chính sách về giảm nghèo và công bằng xã hội (xem phụ lục 13). Các điều kiện đạt được về chính sách thương mại chưa được đáp ứng đầy đủ vì mục tiêu ban đầu về xóa bỏ các tất cả hạn chế định lượng chưa đạt được, trong khi các biện pháp thương mại khác (chẳng hạn như các biện pháp được thỏa thuận theo Hiệp định Thương mại Song phương Việt-Mỹ) lại mạnh hơn mong muốn.

44. **Chất lượng và thực hiện danh mục vốn vay.** Về quản lý danh mục vốn vay, các điều kiện của phương án cao mới được đáp ứng một phần. Về mặt tích cực, hiệu quả phát triển chung và chất lượng của danh mục vốn vay vẫn ở mức cao. Các đánh giá gần đây về năm dự án đã kết thúc của Ban Đánh giá Hoạt động (OED) cho thấy kết quả bền vững thống nhất và hoạt động tốt. Thêm vào đó, tất cả các đánh

Bảng 4: Các phương án Vay vốn Ngân hàng được đề xuất cho Việt Nam (NTC 99-03)

Các phương án cho vay	Mức cho vay dự kiến hàng năm cho NTC FY99-02 trong CAS	Mức cho vay thực tế (NTC 99-02) và dự kiến (NTC 02- 03)
Phương án thấp: Hoạt động kinh tế vĩ mô không thỏa mãn; có ít tiến bộ về cải cách cơ cấu, về định hướng chi tiêu công giúp người nghèo; minh bạch hoặc phân cấp	283 triệu đô la	NTC 99- 308 triệu (thực tế) NTC 00- 286 triệu (thực tế)
Phương án cơ sở: Tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện dự án và trong các vấn đề ngành được lựa chọn. Tiến bộ tích cực và vững chắc (chứ không phải đột biến) trong các vấn đề điều chỉnh cơ cấu chủ chốt.	581 triệu đô la	NTC 01- 629 triệu (thực tế) NTC 02- 568 triệu (hay 643 có đảm bảo rủi ro từng phần) (dự kiến)
Phương án cao: Tiến bộ nhanh trong việc thực hiện dự án, giải quyết triệt để trước các vấn đề vĩ mô và cơ cấu.	812 triệu đô la	NTC 03- 820 triệu (dự kiến)

giá gần đây của Nhóm Chỉ tiêu Đảm bảo Chất lượng (QAG) cho thấy chất lượng ở mức thỏa mãn ngay từ khâu đầu. “Hoạt động” mạnh mẽ trong năm vừa qua đã giảm số lượng “các dự án có vấn đề” từ 5 xuống còn 2 (trong tổng số 25 dự án trong danh mục vốn vay tích cực), và hai dự án này hiện nay đang đi theo kế hoạch sửa đổi. Nhưng về mặt tiêu cực, tỷ lệ giải ngân vẫn còn là một vấn đề nghiêm trọng, với mức giải ngân chỉ còn 12% vào NTC 01.

45. Rất nhiều các vấn đề có nguồn gốc sâu xa liên quan đến việc giải ngân chậm. Các nguyên nhân bao gồm cả việc thiếu sự thống nhất giữa Chính phủ và các chủ trình dự án IDA, làm chậm việc cấp vốn của đối tác, quá trình phê chuẩn chậm và công kênh, năng lực yếu kém của các ban quản lý dự án, các khó khăn với các hướng dẫn về tái định cư của NHTG và các tranh luận về việc các DNNN có được tham gia đấu thầu các dự án do IDA tài trợ không. Những vấn đề này thể hiện rất rõ trong tất cả các chương trình của các nhà tài trợ và đòi hỏi nỗ lực lâu dài, kiên trì và có phối hợp của cả hai phía Chính phủ và nhà tài trợ. Hầu hết các vấn đề này đều đã được nhận ra và nêu lên từ hai năm trước đây trong đồng báo cáo Đánh giá Danh mục Vốn vay đầu tiên (được tiến hành cùng với Chính phủ, ADB và JBIC). Kết quả là hai khoản tài trợ IDF đã được cấp để hỗ trợ giải quyết những vấn đề này. Kết quả sẽ nằm trong hai quyết định vô cùng quan trọng của Chính phủ. Các nhà tài trợ đều cho rằng những quyết định này sẽ giúp cải thiện tình hình một cách đáng kể. Đầu tiên là sắc lệnh điều hành (Nghị định 17) được ban hành vào giữa năm 2001 - đưa ra hệ thống quản lý ODA mới, được thiết kế nhằm tạo ra sự rõ ràng và thống nhất trong chu trình dự án của Việt Nam và thống nhất qui trình của hệ thống này với qui trình của hầu hết các nhà tài trợ. Thứ hai là Nghị định về Mua sắm, dự kiến sẽ được chấp thuận vào cuối năm 2001 - sẽ làm cho các thủ tục mua sắm của Việt Nam gần hơn với thực tiễn quốc tế. Những đột phá quan trọng

này chưa thể giải quyết hết mọi vấn đề, và rất nhiều công việc đòi hỏi phải nâng cao năng lực để đưa ra quyết định nhanh hơn và hợp lý hơn. Một đồng báo cáo thứ hai về Đánh giá Danh mục Vốn vay vừa được hoàn thành, và các đối tác đã phổ biến qui trình tăng cường tham vấn với Chính phủ để thực hiện những sắp xếp mới này. NHTG cũng đã bổ nhiệm một giám đốc quản lý Danh mục vốn vay tại văn phòng Hà Nội để giúp giải quyết các vấn đề này và giám sát tiến độ thực hiện.

46. Một lý do quan trọng của việc chậm giải ngân gần đây là NHTG có chính sách cứng rắn hơn trong việc xác định DNNN đủ điều kiện tham gia đấu thầu các dự án do NHTG tài trợ. Một năm trước đây, tiếp theo đoàn công tác gồm các chuyên gia mua sắm thiết bị hàng đầu của NHTG, chúng tôi đã thỏa thuận với Bộ KHĐT làm rõ các điều kiện xét duyệt cho doanh nghiệp tham gia đấu thầu. Nhưng việc áp dụng thỏa thuận này cho một số đơn vị thực hiện lại có vấn đề. Điều này đã được thảo luận đầy đủ trong nội dung của Báo cáo Đánh giá Mua sắm Quốc gia (NTC 02).

47. **Chương trình NTC 02 và 03.** Do các vấn đề về quản lý danh mục dự án, NHTG dự kiến dừng lại ở phương án cho vay cơ sở trong NTC 02. Sau khi giải quyết một cách hệ thống các vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng của toàn bộ danh mục vốn vay, NHTG có thể sẽ tăng mức hỗ trợ vào NTC 03. Việc chuyển sang phương án cao hơn vào NTC 03 sẽ còn tùy thuộc vào việc thực hiện chương trình cải cách toàn diện theo hỗ trợ của chương trình PRSC, và “các điều kiện” để chuyển sang phương án cao vào NTC 03 do đó sẽ là giai đoạn hai của chương trình PRSC, thỏa thuận về các hợp phần của PRSCII, và nâng cao thực hiện danh mục vốn vay. Những vấn đề này sẽ được xem xét đầy đủ trong CAS tiếp theo.

48. Về phân tài trợ, NHTG sẽ tiếp tục xây

dựng nền tảng tri thức của mình và của các đối tác ở Việt Nam thông qua đầu tư phát triển và phổ biến tri thức. Trong suốt ba năm vừa qua, đã có sự nỗ lực lớn để tiến hành các nghiên cứu ngành và kinh tế chẩn bệnh chính, chẳng hạn như Đánh giá Nghèo đói (NTC 00), Đánh giá Chi tiêu Công (NTC 01), và Đánh giá Trách nhiệm Tài chính Quốc gia (NTC 02) (Phụ lục 7). Ngoài ra, Báo cáo Đánh giá Mua sắm Quốc gia sẽ được hoàn thành trong thời gian tới (NTC 02). Các nghiên cứu ngành đã được tiến hành trong các lĩnh vực phát triển nông thôn, giao thông, năng lượng, phát triển thành thị, y tế và một nghiên cứu mới được khởi xướng để đánh giá chất lượng giáo dục (NTC 02). Toàn bộ nghiên cứu này đã được dịch sang tiếng Việt và đã được phổ biến rộng rãi. Trung tâm Thông tin Phát triển Việt Nam (VDIC) – một cơ sở của nhiều nhà tài trợ như Australia, Canada, Đan Mạch, Nhật Bản, UNDP và NHTG - đã trở thành công cụ hỗ trợ phổ biến tri thức.

B. CHƯƠNG TRÌNH CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)

49. IFC hoạt động tại Việt Nam từ năm 1992, bắt đầu bằng chương trình hỗ trợ kỹ thuật cho khu vực cho thuê, tiếp theo là hoạt động đầu tư đầu tiên của IFC vào năm 1994. Kể từ đó, IFC đã phê duyệt 24 dự án với tổng số vốn 568 triệu đô la vốn vay trực tiếp và vốn vay hợp nhất. Thêm vào đó, IFC đã đảm nhận 26 dự án tư vấn chính thức với tổng vốn hỗ trợ kỹ thuật là 3,7 triệu đô la, đồng thời thành lập MPDF (Chương trình Phát triển dự án Mê-kông) và đưa ra sáng kiến nhà tài trợ cấp vốn trị giá 25 triệu đô la hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) do IFC quản lý.

50. Danh mục vốn vay hiện nay của IFC ở Việt Nam lên đến 9 dự án với tổng đầu tư là 182,4 triệu đô la Mỹ (trong đó 89,3 triệu đô la Mỹ là khoản vay A; 0,75 triệu là vốn cổ phần và 92,3 triệu là khoản vay B). Ngoài ra, còn có 122,7 triệu đô la Mỹ là khoản vay đã được

thông qua và đang đợi được cam kết. Gần đây hai dự án có vấn đề chiếm khoảng 42% vốn cho vay của IFC đã được cơ cấu lại.

51. Chương trình đầu tư của IFC ở Việt Nam trong vòng 3 năm qua còn hạn chế. Đồng Chiến lược hỗ trợ Quốc gia năm 1998 đã chỉ ra rằng chiến lược đầu tư của IFC phụ thuộc vào việc tạo ra một môi trường hỗ trợ cho đầu tư tư nhân, mà thiếu nó thì các đầu tư mới của IFC chỉ ở mức độ nhỏ. Tiến độ trong việc giải quyết các trở ngại khác nhau đối với đầu tư tư nhân trên thực tế rất chậm chạp và kết quả là IFC chỉ phê duyệt được 2 dự án đầu tư trị giá 15,5 triệu đô la trong năm tài chính 1999-2001. Các trở ngại chủ yếu là do khung pháp lý và hành chính chưa rõ ràng ảnh hưởng tới tiến độ của các quyết định phê duyệt đầu tư, do sân chơi không bình đẳng giữa khu vực tư nhân và khu vực DNNN, do quy định của lãi suất đối với các khoản cho vay thương mại và rất nhiều các trở ngại khác như các hạn chế trong việc thế chấp quyền sử dụng đất của các tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài cho các chủ cho vay nước ngoài.

52. Thay cho đầu tư, IFC đã tập trung tạo ra một môi trường hấp dẫn hơn cho phát triển khu vực tư nhân thông qua Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) được tổ chức phối hợp với Ngân hàng Thế giới và các nhà tài trợ khác để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua MPDF và một chương trình hỗ trợ kỹ thuật cho việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước. Diễn đàn này đã khá thành công trong việc đề cao được các vấn đề phát triển khu vực tư nhân (PSD) trong chương trình nghị sự phát triển quốc gia gắn liền với các Hội nghị Tư vấn các nhà Tài trợ (CG) tạo điều kiện để chính phủ tham gia đối thoại thẳng thắn và thân mật với giới doanh nhân. MPDF đã rất tích cực trong việc khuyến khích phát triển các công ty nội địa nhỏ hơn, hỗ trợ các công ty này phát triển các dự án có thể được ngân hàng trợ giúp, cung cấp các dịch vụ tư

vấn thương mại và các chương trình đào tạo để nâng cao năng lực địa phương. Trong năm 2000, MPDF đã hoàn thành thắng lợi 25 dự án ở Việt Nam với chi phí dự án là 22,5 triệu đô la và tăng mức cấp vốn lên 11,4 triệu.

53. Một số các sáng kiến chính sách gần đây, bao gồm (a) Chiến lược phát triển Kinh tế-Xã hội giai đoạn 2001-10, ban hành tháng 5 năm 2001, chính thức tuyên bố “không có sự phân biệt giữa các ngành kinh tế xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa”, (b) kế hoạch của Ủy ban Vật giá Nhà nước loại trừ chế độ hai giá (giá cho các công ty nước ngoài và giá cho các công ty trong nước), (c) Luật doanh nghiệp, có hiệu lực tháng Giêng năm 2001 về đơn giản hoá các thủ tục đăng ký đối với các công ty tư nhân, (d) ký kết Hiệp định thương mại song phương với Mỹ vào tháng 7/ 2000, (e) sửa đổi Luật Đầu tư nước ngoài tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư vào cơ sở hạ tầng và (f) thành lập trung tâm giao dịch chứng khoán đầu tiên tại thành phố Hồ Chí Minh tháng 8/ 2000. Những thay đổi này cho thấy sự chấp nhận rõ hơn đối với các hoạt động của khu vực tư nhân và báo hiệu môi trường thương mại có thể sẽ được cải thiện trong tương lai gần.

54. IFC hy vọng tiếp tục cải thiện được môi trường đầu tư hơn nữa thông qua Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam và tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ thông qua MPDF. IFC cũng dự định hỗ trợ cho hoạt động khu vực tư nhân thông qua các hoạt động đầu tư và tư vấn khi môi trường được cải thiện. Các lĩnh vực chủ chốt bao gồm phát triển thị trường tài chính

(củng cố ngân hàng khu vực tư nhân, sử dụng tài chính trung gian để tạo nguồn cấp vốn cho khu vực tư nhân trong nước và mở rộng và khơi sâu thị trường vốn), cung cấp dịch vụ hạ tầng cơ sở tư nhân (kể cả vật chất lẫn xã hội), cải cách DNNN (cổ phần hoá thông qua thị trường chứng khoán để tăng mức cung hối phiếu và hiện đại hóa các công ty đã được cổ phần), hỗ trợ giới thiệu các thông tin và công nghệ thông tin cho khu vực tư nhân địa phương cũng như nâng cao quản lý hợp tác thích hợp cùng với các chính sách đầu tư trực tiếp.

C. QUẢN LÝ RỦI RO

55. Rủi ro chính được nêu trong CAS trước – là Việt Nam có thể không thể trở lại con đường phát triển ngoạn mục như trong thời kỳ trước khủng hoảng Đông Á do những hậu quả kinh tế xã hội liên quan, – là một thực tế. Do môi trường bên ngoài đang xấu đi, nên một rủi ro khác đang nảy sinh là Việt Nam bắt đầu xem xét lại con đường của hội nhập toàn cầu và tự do hóa mà Việt Nam đã cam kết trong những năm gần đây. Hiện tại, với dự đoán suy thoái mạnh của nền kinh tế toàn cầu và khu vực, thì đối với các nhà hoạch định chính sách chi phí cho toàn cầu hóa có thể vượt quá lợi ích của nó. Các quan chức của Việt Nam đã chỉ ra rằng hiện tại Việt Nam đã có cam kết tự do hóa dần nền kinh tế, và rõ ràng là sự thay đổi về tốc độ chứ không phải phương hướng là điều chưa chắc chắn. NHTG có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm cung cấp các phân tích kỹ thuật và các bài học thực tiễn gần đây nhất về cách quản lý toàn cầu hóa cho các nhà hoạch định chính sách. Công tác cố vấn của NHTG trong hai năm tới đã được thiết kế với ý tưởng này.

James D. Wolfensohn
President

By:
Sven Sandström

Peter Woicke

Washington, DC
September 28, 2001